

Số: 121/BC-UBND

Nghĩa Phương, ngày 14 tháng 6 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**TRIỂN KHAI TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TẠI XÃ NGHĨA PHƯƠNG**  
**TỪ NĂM 2022 ĐẾN 31/05/2023**

Căn cứ kế hoạch số: 17/KH-BDD ngày 17 tháng 01 năm 2023 về việc kiểm tra giám sát tại các xã thị trấn trên địa bàn huyện Tư Nghĩa năm 2023.

Thực hiện công văn số: 155/CV-NHCS, ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc kiểm tra, giám sát của Ban đại diện HĐQT NHCSXH huyện;

Thực hiện chương trình nhiệm vụ, công tác của Ban giảm nghèo xã Nghĩa Phương năm 2023. Ban giảm nghèo xã Nghĩa Phương báo cáo kết quả hoạt động cụ thể như sau:

**I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG:**

- Vị trí địa lý:

- Nghĩa Phương là một xã đồng bằng, nằm cách trung tâm huyện Tư Nghĩa khoảng 5 km về phía Nam, giới cận:

+ Phía Nam: giáp TT Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa.

+ Phía Tây: giáp xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa .

+ Phía Đông: giáp xã Hành Đức, Nghĩa Hành.

+ Phía Bắc: giáp xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa.

- Về kinh tế - Xã hội:

+ Trong những năm qua kinh tế của xã tiếp tục phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, nhiều chỉ tiêu kinh tế xã hội đạt và vượt kế hoạch đề ra.

- Tổng diện tích đất tự nhiên: 660 ha. Trong đó:

+ Đất nông nghiệp: 483,65 ha chiếm 73,28 % diện tích tự nhiên.

+ Đất phi nông nghiệp: 152,03 ha chiếm 23,03 % diện tích tự nhiên.

+ Đất chưa sử dụng: 24,32 ha chiếm 3,69 % diện tích tự nhiên.

- Trong đó:

+ Đất trồng lúa: 346,20 ha;

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 261,69 ha;

+ Đất trồng cây lâu năm: 52,11 ha;

- Dân số: Tổng số hộ trên địa bàn xã là 2.386 hộ, với 10.088 khẩu.

**II. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH:**

**1. Kết quả thực hiện tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn:**

a) Về nguồn vốn tín dụng phân bổ:

- Nguồn vốn tín dụng được giao 22.865 triệu đồng (tăng 1.652 triệu so với đầu năm) trong đó:

+ Vốn Trung Ương 20.239 triệu đồng, tăng 1.346 triệu đồng so với đầu năm  
 + Vốn Địa phương (Tỉnh, Huyện) 1.343 triệu đồng, tăng 300 triệu đồng so với đầu năm.

+ Huy động tiền gửi tiết kiệm của Tổ TK&VV với tổng số tiền là 1.283 triệu đồng, tăng 49 triệu so với đầu năm.

*b) Về cho vay, thu nợ, dư nợ tín dụng chính sách:*

- Doanh số cho vay 3.255 triệu đồng, với 180 lượt khách hàng được vay vốn.

+ Doanh số cho vay hộ nghèo: 80 triệu đồng với 02 hộ được vay vốn,

+ Doanh số cho vay GQVL: 150 triệu đồng, với 03 hộ được vay vốn

+ Doanh số cho vay HSSV: 80 triệu, với 04 hộ được vay vốn

+ Doanh số cho vay HCN : 1.945 triệu, với 39 hộ được vay vốn

+ Doanh số cho vay HTN : 0 triệu, với 0 hộ được vay vốn

+ Doanh số cho vay NSVSMT : 1.000 triệu, với 98 hộ được vay vốn

- Doanh số thu nợ 1.609 triệu đồng, đạt 92% tỷ lệ thu nợ gốc đến hạn, tỷ lệ thu lãi đạt 98%.

+ Tổng dư nợ các chương trình tín dụng 21.582 triệu đồng, tăng 1.646 triệu đồng so với 31/12/2022, đạt 85% kế hoạch. Tỷ lệ tăng trưởng đạt 8%. Dư nợ bình quân 1.788 triệu đồng/Tổ TK&VV, dư nợ bình quân 35 triệu đồng/hộ.

- Đang thực hiện cho vay 10 chương trình tín dụng trên địa bàn bao gồm: Hộ nghèo, Hộ Cận nghèo, Hộ mới thoát nghèo, HSSV, NHNTQ1, NHNTQ, HSSVMMT, NSVSMT, NOXH, GQVL.

*b) Về chất lượng tín dụng chính sách:*

Tình hình nợ quá hạn và nợ khoanh là 0 triệu đồng, chiếm 0 % so với tổng dư nợ. Trong đó:

+ Nợ quá hạn: 0 triệu đồng, tỷ lệ NQH là 0 %, tăng/giảm 0 triệu đồng so với đầu năm.

+ Nợ khoanh 0 triệu đồng, tỷ lệ nợ khoanh là 0%, tăng/giảm 0 triệu đồng so với đầu năm.

Tình hình nợ quá hạn là 0 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0% so với tổng dư nợ. Trong đó:

*Đơn vị: triệu đồng, hộ, %*

STT	Chương trình tín dụng	Dư nợ/ Triệu	Tăng/giảm so với đầu năm 2023	Nợ quá hạn		Nợ Khoanh		Số KH còn dư nợ
				Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	
1	Hộ nghèo	445	- 36					9
2	Cận nghèo	11.093	1.065					270
3	Hộ MTN	477	-119					13
4	HSSV	430	76					14
5	NHNTQ1	10	-1					1
6	NHNTQ	91	-2					4
7	GQVL	1.385	-126					41
8	NSVSMT	6.711	289					416



9	NOXH	900	500					2
10	HSSVMMT	40	0					4
<b>Tổng cộng</b>		21.582	1.646					613

- Một số chỉ tiêu khác:

+ Món vay 3 tháng không hoạt động: 2 hộ (Phạm Thị Lạ - thôn An Đại 1 (HND) và Nguyễn Thị Nga – thôn An Đại 3 (HPN))

+ Lãi tồn 8 triệu đồng

+ Xếp loại chất lượng Tín dụng xã (Tốt, Khá, TB, Yếu) đến 31/05/2023: 11/12 tổ đạt loại tốt và 01/12 tổ đạt loại khá (tổ Phạm Ngọc Thanh-HND).

*d) Về xử lý nợ bị rủi ro nguyên nhân khách quan:*

Không có trường hợp nào xử lý rủi ro

*e) Nợ bị xâm tiêu, chiếm dụng: (Không có):*

*g) Hoạt động của điểm giao dịch xã:*

- Căn cứ vào thông báo thời gian giao dịch được Ngân hàng CSXH huyện Tư Nghĩa đăng ký làm việc tại địa phương vào ngày 14 hằng tháng. UBND xã luôn quan tâm bố trí địa điểm để người dân đến giao dịch được thuận lợi.

- Công tác hợp giao ban hàng tháng với UBND xã, Hội, Đoàn thể, Tổ TK&VV được thực hiện đảm bảo đúng quy định.

- Hệ thống biển, bảng công khai chính sách treo đầy đủ đúng theo qui định

- Kết quả giao dịch xã: Tỷ lệ giải ngân đạt 100%, tỷ lệ thu nợ đạt 92% (vẫn còn một số trường hợp gia hạn nợ), tỷ lệ thu lãi đạt 98%

## **2. Đánh giá tóm tắt hiệu quả các chương trình tín dụng:**

Dưới sự chỉ đạo của BTV Đảng ủy xã Nghĩa Phương, Ban giảm nghèo xã đã quán triệt cho từng thành viên trong ban đề ra kế hoạch hoạt động, quản lý vốn ủy thác cho vay hộ nghèo, chỉ đạo các Hội đoàn thể và các tổ vay vốn thực hiện tốt rà soát, bình xét trong quá trình cho vay, coi trọng chất lượng tín dụng, cũng như thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn của hộ vay; thu lãi, tiền tiết kiệm của tổ trưởng tổ TK&VV, kịp thời triển khai các văn bản mới của cấp trên để chỉ đạo cho cơ sở, thực hiện chế độ kiểm tra định kỳ một năm 1 đợt và kiểm tra đột xuất khi có vấn đề phát sinh và vướng mắc, tồn tại trong quá trình thực hiện để kịp thời chấn chỉnh. Đến nay 12/12 tổ tiết kiệm và vay vốn được kiện toàn và củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ tiết kiệm và vay vốn.

Trong 5 tháng đầu năm 2023 thực hiện chương trình ủy thác cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách xã hội, Ban giảm nghèo xã kịp thời chỉ đạo cho các Hội đoàn thể, tổ TK và VV làm thủ tục đề nghị xét duyệt và giải ngân nguồn vốn mới, thu hồi lãi, gốc đúng kỳ hạn.

Thông qua nguồn vốn tín dụng chính sách góp phần giảm tỷ lệ Hộ nghèo của xã giai đoạn 2021-2025 từ 1,95% xuống còn 0,95%; 292 lượt Hộ nghèo, Hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, phục vụ an sinh xã hội, đến nay có 832 công trình Nước sạch và vệ sinh; 12 căn nhà cho Hộ nghèo; Tạo việc làm cho 41 lao động bằng nguồn vốn GQVL, 14 học sinh sinh viên được đến trường...



### 3. Công tác Ủy thác qua các Tổ chức Chính trị xã hội tại xã:

#### a) Xếp loại hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn

Stt	Hội nhận ủy thác	Xếp loại Tổ TK&VV 31/12/2022					Xếp loại Tổ TK&VV đến 31/05/2023					Tăng, giảm so với 31/12/2022				
		Tổng số	Tốt	Khá	TB	Yếu	Tổng số	Tốt	Khá	TB	Yếu	Tổng số	Tốt	Khá	TB	Yếu
1	HND	4	4	0	0	0	4	3	1	0	0	0	-1	1	0	0
2	HPN	6	6	0	0	0	6	6	0	0	0	0	0	0	0	0
3	CCB	2	2	0	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0
4	ĐTN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>12</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>12</b>	<b>11</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Tỷ lệ xếp loại Tổ</b>		<b>100%</b>					<b>92%</b>	<b>8%</b>								

#### b) Công tác phối hợp giữa NHCSXH và Tổ chức Hội nhận Ủy thác

Thực hiện hợp đồng ủy thác giữa NHCSXH và HĐT xã chỉ đạo các tổ vay vốn thực hiện tốt rà soát, bình xét trong quá trình cho vay, coi trọng chất lượng tín dụng, cũng như thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn của hộ vay; thu lãi, tiền tiết kiệm của tổ trưởng tổ TK&VV, kịp thời triển khai các văn bản mới của cấp trên để chỉ đạo cho cơ sở.

- Công tác kiểm tra sau cho vay: Được UBND chỉ đạo cho BQL các Hội Đoàn thể chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát ngay từ đầu năm. Đến nay, các hội đoàn thể đang triển khai công tác kiểm tra giám sát năm 2023 theo kế hoạch đã xây dựng. Ngoài ra việc kiểm tra sau khi giải ngân cho các hộ vay cũng được các BQL Hội kiểm tra thường xuyên đúng quy định từ đó nguồn vốn được sử dụng đúng mục đích. Hiện nay không có trường hợp xâm tiêu chiếm dụng và sử dụng vốn sai mục đích trên địa bàn xã Nghĩa Phương.

#### c) Kết quả các chương trình tín dụng chính sách ủy thác qua tổ chức Hội:

Đơn vị: Triệu đồng, tổ, %

Stt	Hội nhận ủy thác	Số liệu 31/12/2022				Số liệu đến ngày 31/05/2023				So sánh tăng, giảm so với 31/12/2022				Tỷ trọng/ Tổng dư nợ ủy thác(%)		
		Số tổ TK & V	Số dư tiền gửi	Dư nợ ủy thác	Nợ quá hạn	Số tổ TK & V	Số dư tiền gửi	Dư nợ ủy thác	Nợ quá hạn	Số tổ TK& VV	Số dư tiền gửi	Dư nợ ủy thác	Nợ quá hạn	31/12 /2022	31/05 /2023	tăng, giảm
1	HND	4	303	5.944	0	4	339	6.764	0	0	36	802	0	30	31	1
2	HPN	6	714	10.501	0	6	716	11.187	0	0	2	721	0	53	53	0
3	CCB	2	216	3.350	0	2	227	3.610	0	0	11	123	0	17	16	-1
4	ĐTN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>12</b>	<b>1.234</b>	<b>19.814</b>	<b>0</b>	<b>16</b>	<b>1.282</b>	<b>21.582</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>49</b>	<b>1.646</b>	<b>0</b>			

### 4. Khó khăn, tồn tại, kiến nghị, đề xuất:

4.1 Khó khăn và tồn tại: Hiện nay ở xã Nghĩa Phương có 04 hộ vay (hộ Phạm Thị Lạ - thôn An Đại 1 (HND), hộ Nguyễn Thị Nga – thôn An Đại 3 (HPN), Nguyễn Văn Thiệu – thôn Năng Tây 3 (HPN) vắng địa phương; hộ Võ Tịnh – thôn Năng Tây 1 (HND) có ở địa phương nhưng hộ vay chây ỳ, không thực hiện trả nợ khi đến hạn) gây khó khăn trong việc đôn đốc thu hồi nợ lãi và nợ quá hạn.

#### 4.2 Kiến nghị

- Đề nghị NHCSXH tỉnh kiến nghị NHCSXH cấp trên mở rộng đối tượng vay vốn để những hộ vay còn khó khăn nhưng không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính sách nhằm phát triển kinh tế hộ gia đình.

Trên đây là kết quả hoạt động công tác quản lý vốn vay của Ban giảm nghèo xã Nghĩa Phương trong 5 tháng đầu năm 2023./.

**Nơi nhận:**

- Đoàn KTGS;
- Ngân hàng CSXH huyện;
- Đảng ủy, HĐND, UBND xã;



**Phó chủ tịch UBND xã  
Huỳnh Phúc Đạo**





## BIỂU TỔNG HỢP DƯ NỢ TỔ TIẾT KIỆM VÀ VAY VỐN XÃ NGHĨA PHƯƠNG ĐẾN 31/5/2023

Đơn vị: nghìn đồng, hộ

Stt	Tên Tổ trưởng/ Hội, Đoàn thể Quản lý	Xếp loại Tổ TK&VV	Địa chỉ Thôn,ấp	Tổng dư nợ	Trong đó			Số hộ còn dư nợ	Lãi tồn	Số dư tiền gửi của Tổ viên	
					Trong hạn	Quá hạn	Khoanh			Số hộ	Số tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>I</b>	<b>Hội nông dân</b>			<b>6,764</b>	<b>6,764</b>			<b>159</b>	<b>6,382</b>	<b>157</b>	<b>327</b>
1	Võ Văn Vương	Tốt	An Đại 2	1,206	1,206			29		29	73
2	Phạm Ngọc Thanh	Khá	An Đại 1	1,253	1,253			39	6,382	37	85
3	Nguyễn Quang Liêu	Tốt	Năng Tây 3	1,852	1,852			47		47	75
4	Ngô Thị Mai Du	Tốt	Năng Tây 1	2,453	2,453			44		44	94
<b>II</b>	<b>Hội Phụ nữ</b>			<b>11,187</b>	<b>11,187</b>			<b>343</b>	<b>1,321</b>	<b>342</b>	<b>679</b>
1	Võ Thị Bảy	Tốt	Năng Tây 2	1,806	1,806			60		60	114
2	Nguyễn Thị Thùy Nhiên	Tốt	An Đại 2	1,568	1,568			48		48	110
3	Lê Thị Như	Tốt	Năng Tây 1	2,164	2,164			60		60	150
4	Kiều Thị Xuân Hồng	Tốt	An Đại 1	1,854	1,854			55		55	95
5	Hồ Thị Mai	Tốt	An Đại 3	1,843	1,843			60	1,321	59	99
6	Đoàn Thị Ngọc Diệp	Tốt	Năng Tây 3	1,952	1,952			60		60	111
<b>III</b>	<b>Hội Cựu Chiến binh</b>			<b>3,473</b>	<b>3,473</b>	<b>-</b>		<b>110</b>	<b>-</b>	<b>107</b>	<b>234</b>
1	Hồ Tấn Lâm	Tốt	An Đại 3	1,449	1,449			60		58	110
2	Đặng Thị Nhật Hà	Tốt	Năng Tây 2	2,024	2,024			50		49	124
<b>Tổng Cộng</b>				<b>21,460</b>	<b>21,460</b>	<b>-</b>		<b>612</b>	<b>7,703</b>	<b>606</b>	<b>1,240</b>

